Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8448.59.00

Mã HS	8448.59.00
Mô tả hàng hóa	Máy phụ trợ dùng với các máy thuộc nhóm 84.44, 84.45, 84.46 hoặc 84.47 (ví dụ, đầu tay kéo, đầu Jacquard, cơ cấu tự dừng, cơ cấu thay thoi); các bộ phận và phụ kiện phù hợp để chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các máy thuộc nhóm này hoặc của nhóm 84.44, 84.45, 84.46 hoặc 84.47 (ví dụ, cọc sợi và gàng, kim chải, lược chải kỹ, phễu đùn sợi, thoi, go và khung go, kim dệt) / - Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.47 hoặc máy phụ trợ của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:52:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84485900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13996
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13996
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13996
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.1	1,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13316
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13257
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13257
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13257
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13257
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13257
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13257
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13311
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13311
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13311
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13311
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13311
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13312
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13312
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13312
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13312
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13312
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13312
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13315
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13263
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13271
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13271
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13271
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13271
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13271
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13271
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13302
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13302
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13302
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13302
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13302
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13302
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13351
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13351
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13351
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13351
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13351
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13334
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13334
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13334
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13334
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13334
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13334
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13334
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13334
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13334
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13334
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13334
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13334
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13349
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13349
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13349
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13349
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13349
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13349
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13348
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13348
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13348
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13348
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13348
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13348

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13328
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13328
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13328
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13328
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13328
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13328
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13328
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13336
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13336
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13336
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13336
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13336
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13336
RCEP B	2022	2022	0	B!D13336
RCEP B	2023	2023	0	B!E13336
RCEP B	2024	2024	0	B!F13336
RCEP B	2025	2025	0	B!G13336
RCEP B	2026	2026	0	B!H13336
RCEP B	2027	2027	0	B!I13336
RCEP C	2022	2022	0	C!D13336
RCEP C	2023	2023	0	C!E13336
RCEP C	2024	2024	0	C!F13336
RCEP C	2025	2025	0	C!G13336
RCEP C	2026	2026	0	C!H13336
RCEP C	2027	2027	0	C!I13336
RCEP D	2022	2022	0	D!D13335

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13335
RCEP D	2024	2024	0	D!F13335
RCEP D	2025	2025	0	D!G13335
RCEP D	2026	2026	0	D!H13335
RCEP D	2027	2027	0	D!I13335
RCEP E	2022	2022	0	E!D13339
RCEP E	2023	2023	0	E!E13339
RCEP E	2024	2024	0	E!F13339
RCEP E	2025	2025	0	E!G13339
RCEP E	2026	2026	0	E!H13339
RCEP E	2027	2027	0	E!I13339
RCEP F	2022	2022	0	F!D13336
RCEP F	2023	2023	0	F!E13336
RCEP F	2024	2024	0	F!F13336
RCEP F	2025	2025	0	F!G13336
RCEP F	2026	2026	0	F!H13336
RCEP F	2027	2027	0	F!I13336
VIFTA	2024	2024	1.7	VI!F12374
VIFTA	2025	2025	1.4	VI!G12374
VIFTA	2026	2026	1.1	VI!H12374
VIFTA	2027	2027	0.9	VI!I12374

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8448.59.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8448.59.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13996), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.